

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT
Ngày: 24-02-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Nguyễn Thành Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Ông Nguyễn Văn Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 551/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 38/TB-TA ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1; địa chỉ: số B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Lê Đức H, sinh năm: 1983; địa chỉ: số A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên); vắng mặt.

+ Ông Đoàn Hải N, sinh năm: 1999; địa chỉ liên hệ: tổ dân phố A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền

ngày 23/12/2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Mai H1, sinh năm: 1959; địa chỉ liên hệ: số A, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Luật sư của Văn phòng L2 -Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn T4; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Bà Đỗ Thị Kim Q, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

+ Bà Nguyễn Trúc Lan A, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3042, quyền số 05/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 02/5/2024); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992; địa chỉ liên hệ: số A, đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng – Luật sư của Công ty L3 - Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 28/02/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 (sau đây viết tắt là Công ty X1), lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì: Công ty X1 là bên mua và Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (sau đây viết tắt Công ty T4) là bên bán có ký kết các hợp đồng mua bán cà phê nhân với nhau như sau:

1. Hợp đồng mua bán cà phê số HCM/C2324/063 ngày 09/11/2023, nội dung: số lượng hàng hoá: 100.000kg; đơn giá: 58.700đ/kg; thời gian giao hàng chậm nhất: ngày 20/01/2024; theo hợp đồng này Công ty T4 đã giao được cho Công ty X1 23.718kg, còn thiếu lại 76.282kg.

2. Hợp đồng mua bán cà phê số HCM/C2324/085 ngày 15/11/2023, nội dung: số lượng hàng hoá: 200.000kg; đơn giá: 59.300đ/kg; thời gian giao hàng chậm nhất: ngày 25/01/2024; đối với hợp đồng này Công ty T4 chưa thực hiện nên vi phạm toàn bộ.

3. Hợp đồng mua bán cà phê số HCM/C2324/088 ngày 17/11/2023, nội dung: số lượng hàng hoá: 100.000kg; đơn giá: 59.500đ/kg; thời gian giao hàng chậm nhất: ngày 05/01/2024; đối với hợp đồng này Công ty T4 chưa thực hiện nên vi phạm toàn bộ.

4. Hợp đồng mua bán cà phê số HCM/C2324/095 ngày 24/11/2023, nội dung: số lượng hàng hoá: 100.000kg; đơn giá: 59.600đ/kg; thời gian giao hàng chậm nhất: ngày 10/01/2024; đối với hợp đồng này Công ty T4 chưa thực hiện nên vi

phạm toàn bộ.

Theo khoản 2 Điều 5 tại các hợp đồng đã ký, nếu bên nào không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng thì phải thanh toán cho bên còn lại một khoản phạt vi phạm hợp đồng tương đương với 15% giá trị hợp đồng chưa thực hiện. Tuy nhiên theo Luật Thương mại 2005 thì nguyên đơn chỉ yêu cầu mức phạt hợp đồng là 08% tương ứng với giá trị hợp đồng chưa thực hiện.

Ngoài ra bên vi phạm còn phải bồi thường các giá trị thiệt hại thực tế phát sinh bao gồm: khi bên Công ty T4 không giao hàng theo hợp đồng, Công ty X1 phải mua lượng hàng thay thế của bên thứ ba với tổng số tiền chênh lệch giá so với giá Công ty T4 cung cấp là 6.732.588.965đ.

Nay Công ty X1 làm đơn khởi kiện Công ty T4 đề nghị Toà án giải quyết: buộc Công ty T4 thanh toán cho Công ty X1 tổng số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.245.732.272đ; tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng là 6.732.588.965đ. Tổng số cộng là 8.978.321.237đ.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty T4 thì: Công ty T4 và Công ty X1 có ký kết với nhau 07 “Hợp đồng mua bán cà phê” cụ thể như sau: các hợp đồng số HCM/C2324/055 ký ngày 07/11/2023; số HCM/C2324/063 ký ngày 09/11/2023; số HCM/C2324/085 ký ngày 15/11/2023; số HCM/C2324/088 ký ngày 17/11/2023; số HCM/C2324/095 ký ngày 24/11/2023; số HCM/C2324/163 ký ngày 09/01/2024 và số HCM/C2324/223 ký ngày 23/01/2024.

Trong 07 Hợp đồng nêu trên thì có 04 hợp đồng mua bán mà hiện nay Công ty T4 không thể giao hàng đúng thời hạn cho Công ty X1 gồm có:

Hợp đồng số HCM/C2324/063 ngày 09/11/2023, số lượng cà phê chưa giao là 76.282kg; hợp đồng số HCM/C2324/085 ngày 15/11/2023, số lượng cà phê chưa giao là 200.000kg; hợp đồng số HCM/C2324/088 ngày 17/11/2023, số lượng cà phê chưa giao là 100.000kg; hợp đồng số HCM/C2324/095 ngày 24/11/2023; số lượng cà phê chưa giao là 100.000kg. Tổng số lượng cà phê mà Công ty T4 chưa giao cho Công ty X1 là 476.282kg.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng và buộc Công ty T4 phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thì Công ty T4 không đồng ý. Bởi lẽ, Công ty T4 không thể giao đủ số lượng cà phê cho Công ty X1 là do bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng; cụ thể:

+ Thứ nhất, giá cà phê trong những tháng cuối năm 2023 cho đến nay có nhiều biến động so với các thời kỳ trước. Giá cà phê tăng cao đột biến là sự kiện xảy ra ngoài dự đoán, vượt qua tầm kiểm soát và giá cà phê tăng cao không phải là lỗi của Công ty T4.

+ Thứ hai, tại thời điểm giao kết các bên không thể lường trước được việc giá

cà phê tăng cao đột biến, nếu dự đoán trước được giá cà phê tăng cao như vậy thì chắc chắn Công ty T4 sẽ không đồng ý giao kết bán cà phê với mức giá như trong hợp đồng đã ký kết với Công ty X1.

+ Thứ ba, Công ty T4 đã mua cà phê từ các đại lý khác tại địa phương để có đủ sản lượng giao cho Công ty X1 theo hợp đồng. Với tổng số lượng đã chốt với các đại lý này thì Công ty T4 hoàn toàn có thể hoàn thành nghĩa vụ giao hàng với Công ty X1.

Tuy nhiên, đến thời điểm giao hàng thì giá cà phê tăng cao so với giá các bên đã thỏa thuận nên các đại lý không giao hàng cho Công ty T4. Đây chính là nguyên nhân trực tiếp làm cho Công ty T4 thiếu hụt nguồn hàng.

+ Thứ tư, sau khi các đại lý không giao cà phê thì Công ty T4 đã phải thu mua cà phê từ các đại lý, nhà vườn khác với giá cao hơn so với giá cà phê đã ký kết với Công ty X1 để có thể giao đủ số lượng cà phê theo hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện mọi biện pháp trong khả năng cho phép nhưng Công ty T4 vẫn không có đủ số lượng cà phê để giao hàng cho Công ty X1 theo các hợp đồng ký kết.

Công ty T4 đề nghị Tòa án đưa các đại lý mua, bán cà phê gồm Đại lý Nguyễn Thị Kim H2, (địa chỉ: thôn H, xã N, huyện Đ); Đại lý Vũ Thị Xuân L; (Địa chỉ: B thôn P, xã G, huyện Đ); Đại lý Nguyễn Bá T1, Huỳnh Thị T2; (Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Đ); Đại lý Nguyễn Đình D, (địa chỉ: xã T, huyện Đ); Đại lý Đặng Thị Kim L1; Đại lý Nguyễn Đình G, Đỗ Thị Xuân T3, (địa chỉ: xã H, huyện Đ); Đại lý Ninh Thị Lệ X, (địa chỉ: xã N, huyện Đ) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án để chứng minh cho sự kiện bất khả kháng vì 07 đại lý này đã ký kết bán cà phê cho Công ty T4 nhưng không giao hàng đúng hạn cho Công ty T4 dẫn đến nguồn hàng bị thiếu hụt không giao đủ hàng cho Công ty X1. Ngoài ra đại diện bị đơn không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 02/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024; Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 số tiền phạt hợp đồng là 2.245.732.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng là 6.732.588.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/9/2024 Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X1.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Trúc Lan A, người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ông Đoàn Hải N, người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1, không đồng ý với kháng cáo của Công ty T4, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của Công ty T4 được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty T4 thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ thể hiện: Công ty X1 và Công ty T4 có giao kết 07 hợp đồng mua bán cà phê với nhau theo các hợp đồng số HCM/C2324/055 ngày 07/11/2023; HCM/C2324/063 ngày 09/11/2023; HCM/C2324/085 ngày 15/11/2023; HCM/C2324/088 ngày 17/11/2023; HCM/C2324/095 ngày 24/11/2023; HCM/C2324/163 ngày 09/01/2024 và HCM/C2324/223 ngày 23/01/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X1 cho rằng trong 07 hợp đồng nói trên thì Công ty T4 vi phạm 04 hợp đồng; cụ thể: hợp đồng số HCM/C2324/063 ngày 09/11/2023 thì bị đơn chưa giao 76.282kg cà phê; các hợp đồng số HCM/C2324/085 ngày 15/11/2023, HCM/C2324/088 ngày 17/11/2023, HCM/C2324/095 ngày 24/11/2023 thì Công ty T4 vi phạm toàn bộ.

Công ty T4 cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc không thể giao đủ số lượng cà phê và thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng là bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng như do giá cà phê tăng cao; bị đơn đã mua cà phê của các đại lý khác (07 đại lý) nhưng do các đại lý này không giao hàng đúng hạn nên đã dẫn đến thiếu hụt số lượng cà phê để giao cho Công ty X1.

[2.2] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ do Công ty T4 cung cấp để xác định nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến việc giao hàng không đủ, không thực hiện đúng theo hợp đồng là do giá cả phê trong những tháng cuối năm 2023 cho đến nay có nhiều biến động so với các thời kỳ trước, đây sự kiện xảy ra ngoài dự đoán, vượt qua tầm kiểm soát của Công ty; các đại lý mà bị đơn thu mua không giao hàng,..để loại trừ trách nhiệm của Công ty T5 là không phù hợp theo quy định tại Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015; bởi lẽ “*Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”. Trên thực tế Công ty X1 cũng đã tạo điều kiện để Công ty T4 tiếp tục thực hiện hợp đồng, gia hạn cho đến ngày 20/01/2024 theo phụ lục hợp đồng ngày 20/12/2023, sau đó tiếp tục gia hạn đến ngày 25/01/2024 theo phụ kiện hợp đồng ngày 30/12/2023; tuy nhiên Công ty T4 vẫn không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty X1 và Công ty T4 đều xác định chỉ tranh chấp đối với 04 hợp đồng nói trên và xác định số lượng cà phê chưa giao theo hợp đồng là 473.282kg tương ứng với số tiền 28.071.653.000đ; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều V của các hợp đồng nói trên số tiền xác định số tiền mà Công ty T4 có trách nhiệm thanh toán cho C 2-9 Đ là $28.071.653.000đ \times 8\% = 2.245.732.000đ$ (đã làm tròn) là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án; Công ty T4 đề nghị Tòa án đưa các đại lý mua, bán cà phê vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án để chứng minh cho sự kiện bất khả kháng vì các đại lý này đã ký kết bán cà phê cho Công ty T4 nhưng không giao hàng đúng hạn cho bị đơn dẫn đến nguồn hàng bị thiếu hụt không giao đủ hàng cho Công ty X1 là không cần thiết vì quan hệ mua bán cà phê giữa Công ty T4 và C2 không liên quan đến các đại lý trên; các bên cũng không thỏa thuận loại trừ trách nhiệm hay chuyển nghĩa vụ cho bên thứ ba khi xảy ra thiệt hại. Cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị này là phù hợp.

[2.3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng, toàn diện nội dung vụ án; Công ty T4 kháng cáo nhưng không đưa ra được các chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã được cấp sơ thẩm thu thập để làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty T4 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 114.732.000đ; bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 76.914.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 24, 37, 292, 300, 301, 302, 307, 317 và Điều 319 Luật Thương mại;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng về phạt hợp đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 về yêu cầu phạt hợp đồng. Buộc Công ty T4 phải trả cho Công ty X1 số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.245.732.000đ (hai tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng).

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 phải chịu 114.732.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; được trừ vào số tiền 58.515.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003672 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng; Công ty X1 còn phải nộp 56.217.000đ án phí còn thiếu.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 phải chịu 76.914.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 phải chịu 2.000.000đ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; được trừ vào số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000062 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng; Công ty T4 đã nộp đủ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng TTr, KTr & THA (01);
- TAND huyện Đức Trọng (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch